

DẠY VÀ HỌC TIẾNG ANH THEO CÁC MỤC ĐÍCH CỤ THỂ Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2010-2020 TỪ GÓC NHÌN THỰC TIỄN VÀ HƯỚNG CHIẾN LƯỢC CỦA ĐỀ ÁN NGOẠI NGỮ QUỐC GIA

PHAN VĂN HOÀ

(PGS.TS, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng)

1. Tại sao cần phải dạy và học ESP?

Trước khi đi vào những vấn đề trọng tâm của bài nghiên cứu, người viết xin sơ lược phân biệt một vài khái niệm liên quan đến ESP. (1) *Dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ* (TEFL): đây là khái niệm rộng nhất và xuất hiện sớm nhất trong quá trình dạy tiếng Anh trên toàn thế giới. TEFL là khái niệm chỉ rõ về dạy tiếng Anh cho những người không dùng tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ, mà học tiếng Anh như là một ngoại ngữ. Đây cũng là phần nền có thể là điều kiện tiên quyết ở mức độ nào đó để dạy và học ESP có thể tiến hành được. (2) *Dạy tiếng Anh như một ngôn ngữ toàn cầu hay dạy tiếng Anh như một ngôn ngữ quốc tế* (Teaching English as a global language / international language: TEGL): Khái niệm này nhấn mạnh đến vai trò ưu thế của tiếng Anh hiện nay và mai sau trong giao lưu và hội nhập quốc tế. Khái niệm này cũng góp phần củng cố địa vị ESP. (3) Khái niệm *Học tập thông qua tiếng Anh* (Learning through English: LTE): Khái niệm này chỉ việc dạy tiếng Anh như một ngôn ngữ kép để người học sử dụng tiếng Anh ngay từ rất sớm trong cuộc đời để giao tiếp và học tập, tiếng Anh là môi trường tiếng như thể tiếng mẹ đẻ trong suốt quá trình học

tập. Trong điều kiện thực tế ở Việt Nam, nếu TEFL là điều kiện cần thiết để có thể tiến hành ESP, thì ESP là điều kiện cần thiết cho SV có thể tiến hành LTE một cách thành công.

1.1. Sự phát triển của ESP

Trong những năm 1960s, tiếng Anh vì những mục đích cụ thể, gọi tắt là ESP, trở thành một trong những lĩnh vực quan trọng nhất trong *dạy tiếng Anh như là một ngoại ngữ (EFL)*. ESP cũng trở thành vấn đề thời sự trong dạy ngôn ngữ (McDonough, 1984). Hơn 40 năm qua, ESP ngày càng củng cố chỗ đứng vững chắc, nhất là khi tiếng Anh được thực tiễn khẳng định là ngôn ngữ toàn cầu (Sawar, 2000, Mc. Kay 2002, Ling & Brown 2005, Gordon Brown, 2008, Hoàng Văn Vân, 2010...). Khi khái niệm *Learning through English (LTE)* xuất hiện có nội hàm lớn hơn là học tiếng Anh một cách đơn thuần mà là học tiếng Anh, và học các chuyên đề khác thông qua tiếng Anh, học để tăng cường phẩm chất người công dân quốc tế (Johnstone, 2010), thì ESP, một mặt đường như có chỗ đứng chắc hơn, quy mô lớn hơn, nhưng mặt khác, ESP cần tự nhận lại mình xem đã đáp ứng được đòi hỏi của

cuộc sống sinh động từng nơi, từng lúc hay không.

1.2. Những vấn đề cần nhìn lại

ESP cần được nhận diện lại chính mình: Vai trò, chức năng và phạm vi hoạt động của ESP bây giờ là gì? Cụ thể hơn, trong bối cảnh Việt Nam hiện nay, ESP cần phải được nhìn lại một cách xác thực để có hướng đi đúng và bền vững ít nhất trong vòng một thập kỉ tới.

1.2.1. Nội hàm khái niệm ESP

Có nhiều định nghĩa về ESP trong nhiều từ điển hay của Hutchinson & Waters (1987), v.v.. các định nghĩa đều dựa trên nền nghĩa cơ bản trong cụm từ ESP, tức là *tiếng Anh vì những mục đích cụ thể*, như tiếng Anh thương mại, tiếng Anh kĩ thuật, ...Robinson (1991), nói “*Hãy nói cho tôi biết bạn cần tiếng Anh để làm gì rồi tôi sẽ nói cho bạn biết tiếng Anh mà bạn cần*”. Như vậy, ESP không giới hạn đối tượng người học, nội dung học, kể cả cấp độ ngôn ngữ, kĩ năng ngôn ngữ, mà dựa trên yêu cầu của người học để thiết kế chương trình, nội dung và cách tiến hành cụ thể để đạt mục tiêu. Có thể nói: *ESP là một quá trình sư phạm trong quá trình đó chương trình dạy và học phải được thiết kế nội dung dạy và học phải được xác định và phương pháp dạy và học phải được chọn lựa theo yêu cầu của người học hay yêu cầu phục vụ chuyên ngành đó*. Đối tượng người học ESP có thể là học sinh, sinh viên, có thể là cán bộ công chức, có thể là nhà lãnh đạo, quản lí, nghiên cứu...Nội dung đề tài của ESP có thể bao gồm cả tiếng Anh cho mục đích học thuật (English for academic purposes: EAP)

Vì mở rộng đối tượng, theo yêu cầu của người học, yêu cầu bộ môn, ngành học, ESP cũng không giới hạn trình độ người học. Nhưng thực tế hàm ý rằng phải có trình độ tiếng Anh nào đó mới có thể học ESP hoặc vừa học tiếng Anh cơ bản vừa học ESP.

Cũng chính vì dựa trên yêu cầu người học, mà phương hướng dạy và học ESP cũng rất phong phú. Không thể tiến hành dạy ESP theo hướng giao tiếp trọn vẹn nếu đối tượng người học chỉ yêu cầu dạy cách đọc chuyên ngành nào đó. Vì vậy, Strevens (1988) mở rộng nội hàm của khái niệm ESP bằng cách phân biệt làm hai loại đặc trưng: (1) Đặc trưng cứng và đặc trưng mềm. Đặc trưng cứng tương ứng với các định nghĩa như trên còn đặc trưng mềm cho biết phương pháp dạy và học ESP có thể khác hẳn với dạy tiếng Anh thông thường

1.2.2. Từ nội hàm khái niệm đến thực tiễn

So với nội hàm khái niệm ESP như trên với việc tiếp cận của ESP trong thực tiễn, chúng ta thấy rằng:

- *Về thiết kế chương trình và nội dung*: Đã có hàng trăm giáo trình ESP, đủ loại nội dung, đối tượng, trình độ người học. Có giáo trình đi từ tiếng Anh căn bản và cũng từ kiến thức khoa học căn bản như bộ sách *beginning scientific English* của Royds - Irmak (1975) đến từ trình độ tiếng Anh trung / cao cấp như bộ sách *Aviation English* của John Kennedy. Cũng có giáo trình ESP chỉ mất 30 giờ học như *English for housekeeping* của Hiệp hội Khách sạn Hồng Kông đến giáo trình hơn 300 giờ dạy như *Medicine in English* ...Cũng có loại giáo trình chỉ dạy một kĩ năng ngôn ngữ đến giáo trình dạy bốn kĩ năng.

- *Về đội ngũ giảng viên*: Có nhiều số liệu cho biết vấn đề lớn nhất hiện nay của ESP ở nhiều nước trên thế giới là thiếu nguồn giảng viên. Đi kèm với vấn đề này là đa số giảng viên chưa đạt chuẩn dạy ESP; vì như chúng ta biết, giỏi tiếng Anh mà không có ít nhiều kiến thức chuyên ngành chưa thể đủ chuẩn để dạy ESP, và ngược lại, giỏi chuyên ngành mà tiếng Anh yếu cũng không thể dạy ESP hay dạy ngành chuyên môn đó bằng tiếng

Anh. Vấn đề này lại càng trầm trọng hơn ở Việt Nam.

- Về các mô hình dạy và học ESP: Vì tính đa dạng của yêu cầu người học, trên thế giới hiện nay có rất nhiều mô hình dạy ESP. Tuy nhiên, phổ biến nhất là mô hình người học học tiếng Anh trực tiếp với nội dung và kĩ năng chuyên môn của mình. Ở Việt Nam, quan niệm học ESP là học tiếng Anh chuyên ngành, chứ không phải học chuyên ngành thông qua tiếng Anh. Yêu cầu cơ bản và lớn nhất ở các đại học và cao đẳng cũng như các trường nghề ở Việt Nam hiện nay là làm sao sinh viên học tiếng Anh, từ đó có thể đọc, viết, nghe, hoặc nói những vấn đề thuộc về chuyên môn của mình. Mô hình ưu thế ESP ở Việt Nam hiện nay là học tiếng Anh có khuynh hướng chuyên ngành để sử dụng được tiếng Anh trong môi trường chuyên môn và công việc của mình. Bên cạnh đó có một khuynh hướng nữa là thông qua học tiếng Anh mà học luôn cả chuyên ngành của mình. Cũng có một quan niệm nữa, đã hình thành, là dạy chuyên môn bằng tiếng Anh. Đây không phải là phạm vi của ESP. Tuy nhiên, ngoài tiếng Anh chuyên ngành, cần chú trọng đến dạy tiếng Anh vì mục đích học thuật cho SV các trường đại học và cao đẳng ở Việt Nam hiện nay.

1.2.3. Phải tiếp tục triển khai ESP

ESP là một giải pháp đáp ứng yêu cầu to lớn của xã hội trên thế giới. Ở Việt Nam vấn đề còn cấp bách hơn bao giờ hết: Thứ nhất, giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ (TEF) trong thời gian qua từ phổ thông đến đại học, cao đẳng không đạt yêu cầu mong muốn. Những điều tra cho thấy hơn 90% sinh viên VN không thể nghe giảng trực tiếp hay thuyết trình những vấn đề chuyên môn của mình bằng tiếng Anh. Thứ hai, nếu xem trình độ tiếng Anh phổ thông của mình còn yếu, phải tiếp tục học tiếng Anh phổ thông (GE) ở đại học, cao đẳng mà không học

tiếng Anh chuyên ngành thì SV sẽ mất hết cơ hội tiếp cận chuyên môn của mình, nghề nghiệp tương lai của mình bằng tiếng Anh. Thứ ba, đề án quốc gia về dạy và học ngoại ngữ yêu cầu các trường ĐH và CĐ phải dạy một số bộ môn bằng tiếng Anh, tiến tới dạy nhiều bộ môn bằng tiếng Anh. Trong bối cảnh chung của thế giới và thực tế phát triển xã hội của Việt Nam, ESP trở thành một trong những giải pháp đưa người học không những có khả năng tiếp cận chuyên môn, nghề nghiệp của mình bằng tiếng Anh mà còn sử dụng tiếng Anh để phát triển chuyên môn của mình và khẳng định mình trước yêu cầu giao lưu, hội nhập và đổi mới của đất nước. Thứ tư là, tiếng Anh cho mục đích cụ thể không phải chỉ nằm trong khuôn khổ nhà trường đối với sinh viên, mà nó còn phải được phổ biến rộng khắp trong cơ quan, xí nghiệp, những cơ sở kinh tế, xã hội, giáo dục, nghiên cứu ngoài nhà trường.

2. ESP trong giai đoạn 2011 – 2020

Có hai lí do để người viết xác định cần phải có giai đoạn 2011 - 2020. Thứ nhất, căn cứ vào thực tế, như đã nói ở phần trên, đa số sinh viên CĐ và ĐH hiện nay vẫn còn rất yếu về tiếng Anh, trong khi yêu cầu nâng cao chất lượng chuyên môn ở CĐ và ĐH ngày càng bức thiết hơn bao giờ hết. Tiếng Anh là một trong những giải pháp để người học tiếp cận đến chuyên môn sâu của mình, nâng cao năng lực chuyên môn của mình. Thứ hai, căn cứ vào yêu cầu đề án 2020, và thực tế thực hiện đề án, phải mất gần 10 năm nữa đầu vào ĐH và CĐ mới có SV đủ trình độ tiếng Anh học trực tiếp chuyên môn của mình.

Trong phần mục tiêu chung của đề án 2020 có ghi: *Đổi mới toàn diện việc dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, triển khai chương trình dạy và học ngoại ngữ mới ở các cấp học, trình độ đào tạo, nhằm đến năm 2015 đạt được một*

bước tiến rõ rệt về trình độ, năng lực sử dụng ngoại ngữ của nguồn nhân lực, nhất là đối với một số lĩnh vực ưu tiên; đến năm 2020 đa số thanh niên Việt Nam tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và đại học có đủ năng lực ngoại ngữ sử dụng độc lập, tự tin trong giao tiếp, học tập, làm việc trong môi trường hội nhập, đa ngôn ngữ, đa văn hoá; biến ngoại ngữ trở thành thế mạnh của người dân Việt Nam, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

2.1. *Phân đoạn từ nay đến 2015:* Đây là phân đoạn căn bản để phát triển tiếng Anh nói chung và ESP nói riêng. Phân đoạn này cho thấy đề án ở giai đoạn khởi đầu, chuẩn bị trình độ năng lực tiếng Anh cho học sinh các cấp học ở phổ thông. Trong đó có chuẩn bị năng lực cho giáo viên. Như vậy, chất lượng tiếng Anh thông thường bắt đầu được nâng cao nhưng cũng chỉ là bước đầu. Vì vậy, ở CD và ĐH, sinh viên rất cần tiếp tục được bồi dưỡng năng lực tiếng Anh thông thường và ESP. Có thể nói, cả tiếng Anh thông thường và tiếng Anh cho mục đích cụ thể đều đóng vai trò quan trọng ngang nhau trong giai đoạn này. Như vậy, chương trình sẽ mang tính lồng ghép, phức tạp. Giáo trình có thể phải được cân nhắc để chọn lựa thích hợp làm sao cả hai lĩnh vực dạy và học tiếng Anh ở giai đoạn này phải bổ sung cho nhau. Đây là hướng đi đặc trưng của giai đoạn này. Cũng cần lưu ý rằng, làm sao chuẩn bị tốt, nhất là ở các trường ĐH trọng điểm và có điều kiện tốt, vào những năm 2014, 2015 triển khai dạy một số ít bộ môn thông qua tiếng Anh như đề án mong muốn: “*Triển khai chương trình dạy bằng ngoại ngữ một số môn cơ bản, chuyên ngành và chuyên sâu ở một số ngành trọng điểm ở năm cuối bậc đại học, bắt đầu với khoảng 20% sinh viên của các Đại học quốc gia, Đại học vùng và một số trường đại học trọng điểm khác và*

tăng dần tỉ lệ hàng năm, mở rộng dần đối với số trường và địa phương”.

Đứng về góc độ giảng viên, đây là giai đoạn chuyển tiếp vai trò từ giảng viên ESP chuyển sang vai trò giảng viên LTE, trong đó vừa có mặt của giảng viên tiếng Anh chuyên ngữ vừa giảng viên chuyên môn giảng dạy chuyên môn của mình bằng tiếng Anh. Hay nói đúng hơn, nếu chúng ta nhìn vào thực tế phát triển chậm về chất lượng dạy và học tiếng Anh ở ĐH, CD, thì đây là giai đoạn cần có sự phối hợp sát thực nhất giữa giảng viên tiếng Anh chuyên ngữ và giảng viên bộ môn.

2.2. *Phân đoạn 2016-2020:* Đặc trưng của phân đoạn từ 2016 đến 2020 phụ thuộc rất lớn vào thành quả nâng cao chất lượng tiếng Anh ở phổ thông. Đề án nêu rõ: “*Giai đoạn 2016 - 2020: trọng tâm của giai đoạn này là triển khai chương trình ngoại ngữ 10 năm trên quy mô cả nước và triển khai chương trình dạy và học ngoại ngữ tăng cường đối với tất cả các trường dạy nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học*”. Nếu đa số học sinh ‘tốt nghiệp trung học phổ thông đạt trình độ bậc 3 theo KNLNN’ như đề án mong muốn thì khi vào ĐH, CD, SV đã đạt trình độ tương đương B1 và khi đạt trình độ này, họ có thể học chuyên môn của họ thông qua tiếng Anh. Tuy vậy, thực tế Việt Nam thường không được như mong muốn, vì còn rất nhiều yếu tố khác làm cản trở chất lượng dạy và học tiếng Anh. Trong điều kiện như vậy, vai trò giảng viên tiếng Anh thông thường và ESP rất quan trọng. Trước hết, họ cần phải hoàn thiện trình độ bậc 3 cho SV mà trường phổ thông chưa hoàn thành được; mặt khác, họ vừa dạy ESP vừa phối hợp tốt với giảng viên các bộ môn chuyên môn để chuẩn bị cho SV học chuyên môn thông qua tiếng Anh.

3. Kết luận: Từ chỗ lược lại nội hàm khái niệm ESP, và thấy những định hướng cơ bản để chuẩn bị cho kế hoạch dạy và học ESP từ nay đến 2020, chúng ta cũng cần chia sẻ kinh nghiệm từ thực tiễn. Người viết nêu lên một vài kinh nghiệm của trường Đại học ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng như sau:

Trường ĐHNH- ĐHĐN đảm nhận vai trò dạy ESP cho hơn 40.000 SV của Đại học Đà Nẵng. Trường ĐHNH – ĐHĐN có hai khoa Anh: Khoa Ngôn ngữ Anh (85 giảng viên) dạy tiếng Anh chuyên ngữ và khoa tiếng Anh chuyên ngành (ESP) (42 giảng viên) dạy ESP.

3.1. Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên

- Dự án TRIGS từ năm 2008 đến nay đã đưa gần 100% giảng viên đi học tập, bồi dưỡng ở các nước Anh, Mỹ, Úc từ cấp bồi dưỡng ngắn ngày đến học xong thạc sĩ.

- Tổ chức nhiều hội thảo cấp quốc gia và quốc tế để giảng viên tham dự, học hỏi.

- Tổ chức viết, dạy thí nghiệm và xuất bản hơn 12 giáo trình tiếng Anh chuyên ngành.

- Nhà trường yêu cầu tất cả các giảng viên chưa qua kiểm tra năng lực tiếng Anh sẽ tham gia các đợt khảo sát năng lực tiếng Anh chuẩn quốc tế và mỗi giảng viên sẽ nộp cho BGH chứng chỉ năng lực từ nay đến cuối năm 2011.

3.2. Về công tác chỉ đạo và quản lí

- Phối hợp chặt chẽ với ĐHĐN và các trường thành viên, các đơn vị thành viên về công tác chỉ đạo và quản lí. Chẳng hạn, ngày 4/6/2008 (trước vài tháng Đề án ngoại ngữ quốc gia được Thủ tướng phê duyệt), trường ĐHNH cùng ĐHĐN tổ chức hội nghị định hướng đào tạo ngoại ngữ cho các trường thành viên, trong đó xác định mục tiêu giảng dạy ngoại ngữ cho các trường thành viên trong giai đoạn 2008 - 2011 là làm sao cho *SV có thể sử dụng ngoại ngữ để giao tiếp*

nghe nghiệp. Như vậy vừa tăng cường dạy ngoại ngữ thông thường vừa nâng cao trình độ ngoại ngữ chuyên ngành cho SV.

- ĐHNH phân công một hiệu phó chuyên phụ trách đào tạo ngoại ngữ cho các trường thành viên.

- Tổ chức kiểm tra đầu vào về trình độ ngoại ngữ cho SV, phân lớp và định hướng học tập cho SV.

- Tổ chức kiểm tra đầu ra về trình độ ngoại ngữ cho SV.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch dạy và học, phân công giảng viên dạy ngoại ngữ nói chung và ngoại ngữ chuyên ngành nói riêng cho toàn ĐHĐN.

3.3. Chuẩn bị tiếp cho kế hoạch dạy ngoại ngữ cho toàn ĐHĐN từ nay đến 2020

- Tiếp tục nâng cao năng lực đội ngũ, đánh giá lại và phân công lại đội ngũ.

- Tiếp tục biên soạn một số giáo trình tiếng Anh vì mục đích cụ thể, và triển khai dạy tiếng Anh vì mục đích học thuật cho toàn sinh viên ĐHĐN. Trong đó chú trọng đến hướng dẫn, tư vấn cho SV tự học, biết ứng dụng công nghệ vào học ngoại ngữ, và xây dựng kế hoạch học tập ngoại ngữ lâu dài mang tính chiến lược để mọi SV đạt được mục tiêu cho chính mình.

- Cụ thể hóa kế hoạch, lộ trình cùng kết hợp với giảng viên các bộ môn chính trong toàn ĐHĐN để tiến tới giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh.

Khoa tiếng Anh chuyên ngành có mã ngành cử nhân tiếng Anh thương mại, đây là một chương trình đặc biệt nối kết cụ thể nhất giữa tiếng Anh thông thường và tiếng Anh nghề nghiệp. Đây cũng là sự thử nghiệm, vừa là nơi kết hợp giữa giảng viên tiếng Anh và giảng viên bộ môn chuyên.

Tóm lại, dạy và học tiếng Anh vì những mục đích cụ thể đóng vai trò rất quan trọng trong hệ thống giáo dục của đất nước.

(xem tiếp trang 36)

các giờ dạy ngoại ngữ nói chung và các học phần Giao tiếp thương mại nói riêng. Tài liệu sống và các vật dụng sống góp nhặt từ đời sống thực luôn là nguồn giáo án bất tận, tiếp thêm nhiên liệu vào các trang sách giáo khoa hay giáo trình sử dụng. Các tài liệu và vật dụng sống có thể được lựa chọn, cải biên, để tối ưu hóa vai trò hỗ trợ của chúng trong việc xây dựng bài giảng sống động.

Phương pháp giảng dạy như vậy sẽ phát huy được tính tích cực của người học, tạo hứng thú, gắn kết người học với thực tiễn đời sống kinh tế xã hội mà họ cần trang bị đầy đủ trước khi ra trường. Thông qua tư liệu giảng dạy sống và cách tổ chức lớp học, người học được phát huy nhiều kỹ năng mềm cần thiết như khả năng làm việc nhóm, khả năng hợp tác, phát triển nhiều kỹ năng mềm (như kỹ năng thuyết trình, nói trước đám đông, thương thảo, giải quyết vấn đề). Thiết nghĩ cách tiếp cận này cần được phát huy và áp dụng một cách linh động và hiệu quả để người học mỗi ngày được tiếp cận gần hơn với thực tiễn cuộc sống, được chủ động tham gia một cách hiệu quả vào quá trình nâng cao nhận thức và kỹ năng giao tiếp của mình.

Tài liệu tham khảo

1. Biggs, J., *What student does: teaching for enhanced learning*, Higher education, research & development, 18 (1), 57-75, 1999.
2. Lyu, Yeonhwan (2006), *Simulations and second / foreign language learning: Improving communication skills through simulations*. Master Thesis, The University of Toledo.
3. Newingham, Beth (2010), *My classroom economy: bringing the 'real world' into the classroom*. Posted in Activities, Classroom Management, Lesson Plans, Math. Truy cập vào ngày 21/06/2011 tại http://blogs.scholastic.com/top_teaching/2010/01/class-economy.html.
4. Oura, Gail K. (2010), *Authentic task-based materials: bringing the real world into the classroom*. Truy cập vào ngày 15/05/2011 tại www.jrc.sophia.ac.jp/kiyou/ki21/gaio.pdf
5. Reboyl, Lisa, M. (1989), *Teaching critical thinking: bringing the real world into the classroom*. Clearing House, 62 (9), 411-13.
6. Trigwell, K., Prosser, M., & Waterhouse, F., *Relations between teachers' approach to teaching and students' approach to learning*, Higher education, 37, 57-70, 1999.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 03-11-2011)

DẠY VÀ HỌC TIẾNG ANH

(tiếp theo trang 5)

Nó vừa là phương tiện vừa là động lực thúc đẩy chất lượng đào tạo. Xác định hướng đi cụ thể cho từng giai đoạn đào tạo ESP sẽ góp phần cụ thể hóa bước đi đồng thời đây cũng là bước chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ to lớn mà đề án dạy và học ngoại ngữ đề ra đối với các cơ sở đào tạo, nhất là ở các trường ĐH và CĐ. Sự thành công của quá trình thực hiện phụ thuộc vào nhiều yếu tố, nhưng yếu tố chủ động xây dựng kế hoạch cho từng bước đi, và chuẩn bị đội ngũ mang tính quyết định.

Tài liệu tham khảo

1. Benson, P. (2001), *Teaching and researching autonomy in language*, Longman, London.
2. British Council, (2010), *Learning through English*, Malaysia.
3. Hutchinson, T and Waters, A (1987), *English for specific purposes: A learning - centered approach*. Cambridge University Press.
4. Hoàng Văn Vân, (2010), *Dạy tiếng Anh không chuyên ở các trường đại học Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Nguyễn Văn Toàn, (2009), *Khả năng và biện pháp giảng dạy chuyên môn bằng tiếng nước ngoài trong các trường Đại học ở*

Việt Nam, Đề tài Khoa học cấp nhà nước, Mã số: B2007 – CTGD-06.

6. Nunan, D. (2003), *Practical English language teaching*, The McGraw-Hill Companies, Inc. for manufacture.

7. Robinson, P.C. (1983), *ESP Communicative language teaching and the future*, Academic Press Inc, New York.

8. Strevens, P (1988), *ESP after twenty years: A re-appraisal*, CUP.

9. The 8th Asia TEFL International Conference, (2010), *Teaching English as a global language: creating and sharing the Asian framework of practice*, Ha noi.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 10-10-2011)

NGÔN NGỮ VỚI VĂN HOÁ

ĐẠY VÀ HỌC TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH THEO NHU CẦU XÃ HỘI

ĐỖ THỊ XUÂN DUNG

(ThS, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế)

1. Đặt vấn đề

Những phát triển vượt bậc của khoa học công nghệ đã đem đến cho con người những đổi thay có tính đột phá trên nhiều lĩnh vực. Chất lượng cuộc sống được nâng cao, khả năng hòa nhập được mở rộng, và nhu cầu của con người cũng không ngừng biến đổi về lượng lẫn về chất. Trong giao tiếp, giáo dục, ứng dụng khoa học kỹ thuật hay cả trong nghệ thuật, nhiều người trên thế giới đã chọn học tiếng Anh để làm phương tiện mở cánh cổng tri thức, và điều đó đã làm cho công tác dạy và học tiếng Anh trên toàn thế giới trở thành một mối quan tâm lớn. Các nhà khoa học, ngôn ngữ học và cả những người thực hành giảng dạy đều mong muốn nghiên cứu tìm ra cách tiếp cận ngôn ngữ này với những quan điểm hiện đại, để hiểu được bản chất vấn đề nhằm khai thác những phương pháp tích cực nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Trong xu hướng chung về đào tạo tiếng Anh như một ngoại ngữ (Teaching English as a foreign language- TEFL), đã có nhiều nghiên cứu đề cập việc dạy và học tiếng Anh chuyên ngành

(English for specific purposes-ESP) cùng những thách thức về chương trình, giáo trình, phương pháp giảng dạy và phương pháp học tập loại hình tiếng Anh có tính chuyên biệt này. Xét về lý thuyết, việc đào tạo phải đạt được mục tiêu quy mô lớn về số lượng và đạt chuẩn về chất lượng, nhằm đáp ứng nhu cầu của một số lượng đối tượng đào tạo đông đảo trong xã hội, và nhằm tạo ra những sản phẩm đào tạo có chất lượng thật sự- có nghĩa là người học phải dùng được tiếng Anh trong công việc của họ sau khi tốt nghiệp. Tuy nhiên, thực tế đào tạo tiếng Anh chuyên ngành trong thời gian qua bộc lộ những khó khăn và hạn chế về nhiều mặt dẫn đến việc nhiều cơ sở đào tạo không đạt được những mục tiêu mong muốn cũng như lãng phí về mặt tài chính khi đầu tư cho công tác này. Đứng trước những thách thức của toàn cầu hoá và nền kinh tế thị trường, việc đào tạo chất lượng kém và sản phẩm là những con người không thể sử dụng kiến thức và tay nghề đã được đào tạo để làm việc và làm việc hiệu quả đã ít nhiều gây tai tiếng cho công tác đào tạo. Trước tình hình đó,